

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2026 của UBND xã Long Phụng)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ I	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	20.000	3.919,09	19,60	381,4
I	Thu nội địa	20.000	3.919,09	19,60	381,4
1	Thu từ khu vực DNNN		15,78		5,5
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	6.160	1.807,01	29,33	1.196,7
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.050	377,48	35,95	495,1
5	Thuế bảo vệ môi trường				
6	Lệ phí trước bạ	5.200	1.264,90	24,33	374,8
7	Thu phí, lệ phí	700	70,99	10,14	170,0
8	Các khoản thu về nhà, đất	6.430	17,89	0,28	43,6
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	180	17,89	9,94	43,6
-	Thu tiền sử dụng đất	6.000		-	
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	250		-	
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản				
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước				
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	310		-	0,0
13	Thu tiền sử dụng khu vực biển				
14	Thu khác ngân sách	150	49,60	33,06	165,3
15	Thu đóng góp tự nguyện ngân sách xã		315,45		
II	Thu từ dầu thô				
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	0	-		
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu				
2	Thuế xuất khẩu				
3	Thuế nhập khẩu				
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu				
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu				
6	Thu khác				
IV	Thu viện trợ				
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	18.933	3.830,69	20,23	544,6
1	Từ các khoản thu phân chia	12.323	2.517,51	20,43	5.379,3
2	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	6.610	1.313,18	19,87	200,0